



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **147/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **02** tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án
Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú
(đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Khu dân cư An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi;

Trên cơ sở Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phần còn lại phía Bắc thành phố Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Tờ trình số 504/TTr-QBL ngày 20/12/2022 và Công văn số 487/BQL-KHĐT ngày 24/02/2023; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 17/BC-SXD ngày 02/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi.

2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch

Khu vực lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc) có quy mô diện tích khoảng 162,77 ha, thuộc Phường Trương Quang Trọng và xã Tịnh An, thành phố Quảng Ngãi.

3. Tính chất

- Là khu đô thị sinh thái đa chức năng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ;

- Là điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan của thành phố Quảng Ngãi trong tương lai.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

Căn cứ đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phần còn lại phía Bắc thành phố Quảng Ngãi và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Dân số	người	khoảng 18.000
II	Sử dụng đất		
1	Tổng diện tích quy hoạch	ha	162,77
2	Chỉ tiêu sử dụng đất		
2.1	Đất ở	%	≤ 45
	- Đất ở hiện trạng chính trang	m ² /người	≤ 80

	- Đất ở mới	m ² /người	≤ 50
2.2	Công trình dịch vụ - công cộng		
a	Giáo dục		
	- Nhà trẻ, mẫu giáo (cấp đơn vị ở)	chỗ/1000dân	≥ 50
		m ² /1 chỗ	≥ 12
	- Trường tiểu học (cấp đơn vị ở)	chỗ/1000dân	≥ 65
		m ² /1 chỗ	≥ 10
	- Trường trung học cơ sở (cấp đơn vị ở)	chỗ /1000dân	≥ 55
b	Y tế		
	- Trạm y tế (cấp đơn vị ở)	trạm/1000dân	≥ 1
		m ² /trạm	≥ 500
c	Thể dục thể thao		
	- Sân luyện tập (cấp đơn vị ở)	m ² /người	≥ 0,5
		ha/công trình	≥ 0,3
d	Chợ (cấp đơn vị ở)	ha/công trình	≥ 0,2
2.3	Đất cây xanh		
	- Đất cây xanh công cộng đô thị	m ² /người	≥ 7
	- Đất cây xanh đơn vị ở	m ² /người	≥ 2
3	Mật độ xây dựng		
3.1	Nhà ở	%	50-100 (tùy diện tích lô đất)
3.2	Công trình hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục	%	≤ 40
3.3	Công trình hỗn hợp, TMDV	%	40-70 (tùy diện tích lô đất và chiều cao công trình)
3.4	Công viên cây xanh	%	≤ 5
4	Tầng cao xây dựng		
4.1	Nhà ở		
	- Nhà ở liên kế	Tầng	≤ 5 tầng (≤ 19 m)/ đối với đường có lộ giới ≤ 19m) ≤ 7 tầng (≤ 28 m)/ đối với đường có lộ giới > 19m)
	- Nhà biệt thự	Tầng	≤ 3

4.2	Công trình hành chính, văn hóa, y tế, giáo dục	Tầng	≤ 5
4.3	Công trình hỗn hợp, TMDV (công trình điểm nhấn)	Tầng	≤ 30
4.4	Công viên cây xanh	Tầng	1
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Tỷ lệ đất giao thông	%	> 20
	- Bãi đỗ xe	m ² /người	$\geq 2,5$
2	Cấp điện		
	- Sinh hoạt	KW/hộ	≥ 3
	- Công trình công cộng, dịch vụ	W/m ² sàn	≥ 20
3	Cấp nước		
	- Sinh hoạt	Lít/người.ngđ	≥ 150
	- Công trình công cộng, dịch vụ	Lít/m ² sàn.ngđ	≥ 2
4	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	%(nước cấp)	≥ 80
5	Tỷ lệ đường có hệ thống thoát nước mưa	%	100
6	Chất thải rắn	Kg/người/ng.đ	1,0
		Tỉ lệ thu gom	$\geq 95\%$

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	483.812	29,7
1.1	Đất ở liền kề	186.684	11,5
1.2	Đất ở biệt thự	157.802	9,7
1.3	Đất nhà chung cư (nhà ở xã hội)	99.135	6,1
1.4	Đất nhà chung cư hỗn hợp	40.191	8,3
2	Đất công trình hạ tầng xã hội	544.628	33,5
2.1	Đất văn hóa	5.187	
2.2	Đất y tế	1.728	0,1
2.3	Đất giáo dục	35.447	2,2
2.4	Đất thể dục thể thao	9.282	0,6
2.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	438.166	
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng (ĐVO)	125.645	7,7
-	Đất cây xanh sử dụng công cộng (CH)	312.521	
2.6	Đất thương mại dịch vụ	54.818	3,4

-	Đất thương mại dịch vụ (CH)	49.188	
-	Đất thương mại dịch vụ (ĐVO)	5.630	
3	Đất trụ sở cơ quan	1.184	0,1
4	Đất di tích, tôn giáo	4.325	0,3
5	Đất cây xanh chuyên dùng	9.057	0,6
6	Đất giao thông	472.707	29,0
7	Đất bãi đỗ xe	45.248	2,8
8	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	39.276	2,4
9	Đất mặt nước	27.455	1,7
	Tổng diện tích	1.627.691	100

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

a) Công trình thương mại, dịch vụ

Quy hoạch khu tổ hợp thương mại - dịch vụ, khách sạn, nhà ở cao tầng tại vị trí trung tâm, tạo điểm nhấn cho khu vực đảo Ngọc; các công trình trung tâm dịch vụ công cộng khu ở phân tán đều quanh đảo (trường học, nhà văn hóa, thể dục thể thao...), đảm bảo bán kính phục vụ.

b) Nhà ở

- Bố trí dãy nhà ở shop house dọc theo trục trung tâm, quanh khu vực quảng trường.

- Khu biệt thự sinh thái nghỉ dưỡng bố trí ở phía Bắc và phía Nam đảo.

- Bố trí khu nhà ở xã hội phía Đông nhằm đảm bảo quỹ đất nhà ở xã hội theo quy định.

c) Công viên cây xanh

- Công viên cây xanh được quy hoạch với nhiều chủ đề xung quanh đảo, kết hợp kè hạn chế việc bê tông hóa, tạo nên sự thân thiện cho toàn bộ khu vực.

- Quảng trường bố trí khu vực phía Tây, hình thành không gian tổ chức sự kiện, công trình điểm nhấn kết nối với không gian xanh quanh đảo.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a1) San nền

- San nền khu vực quy hoạch phù hợp với Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc.

- Cao độ nền xây dựng không chế $\geq +6,50\text{m}$ đối với khu vực công trình bên trong và cao độ không chế $\geq +5,50\text{m}$ đối với công viên cây xanh ven sông,

hướng dốc chính từ thượng lưu về hạ lưu và thoát ra hai bên sông Trà Khúc.

a2) Thoát nước mưa

- Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải.
- Khu vực quy hoạch phân thành 2 lưu vực thoát nước chính, lấy trục dọc trung tâm làm đường phân lưu vực, hướng thoát nước ra 2 bên và thoát ra sông Trà Khúc về phía Bắc và phía Nam.
- Các tuyến cống thu nước lưu vực dùng cống D600-D1500 kết hợp cống hộp B1500-2B1500 đi theo hệ thống đường giao thông để thoát nước cho khu vực.

a3) Giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

- Xây dựng kè ven sông Trà Khúc phù hợp Quy hoạch chỉnh trị sông Trà Khúc, kết hợp với công viên cây xanh ven sông tương ứng với từng vị trí. Kết hợp giữa kè đứng và mái nghiêng, nâng dần cao độ công viên từ đỉnh kè vào đến đường giao thông và công trình bên trong theo mặt bằng quy hoạch.

b) Giao thông

b1) Giao thông đường thủy sông Trà Khúc

- Đảm bảo hành lang tuyến đường thủy sông Trà Khúc theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi (đường thủy nội địa cấp IV).

b2) Giao thông đường bộ

- Giao thông đô thị:
 - + Giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang cầu kết hợp đập dâng sông Trà Khúc là 12m, cống đập phía thượng lưu, định hướng quy hoạch bổ sung thêm cầu về phía Đông cầu hiện hữu với mặt cắt ngang 12m. Quy mô mặt cắt ngang đường qua đảo 43,0m, bề rộng mặt đường 2x12,0m.
 - + Trục D16 (kết nối đảo Ngọc với 2 bờ Nam - Bắc sông Trà Khúc): Quy hoạch mặt cắt ngang đường 24,0m, lòng đường 14,0m, vỉa hè 2x5,0m.
- Giao thông đối nội:
 - + Đường trục chính trung tâm: Quy hoạch mặt cắt ngang đường từ 25-55m, lòng đường 2x7,5m, vỉa hè 2x(5-20)m;
 - + Đường khu vực, phân khu vực: Quy hoạch mặt cắt ngang đường từ 14,5-20,5m, lòng đường từ 7,5-10,5m, vỉa hè 2x(3,5-5,0)m.
 - + Đường nội bộ: Quy hoạch mặt cắt ngang đường 14,5m, lòng đường 7,5m, vỉa hè 2x3,5m.

b3) Bãi đỗ xe: Bố trí các bãi đỗ xe với tổng diện tích khoảng 45.248m².

c) Cấp điện

- Nguồn điện: Lấy từ lưới điện chung của đô thị thông qua tuyến 22kV

dọc đường Hoàng Sa (theo Quy hoạch phân khu được duyệt).

- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng 30.000 kVA. Quy hoạch xây dựng mới các trạm biến áp 22/0,4kV, công suất trạm từ 250kVA đến 2x560kVA, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng điện cho khu vực quy hoạch.

- Lưới điện:

- + Đường dây 110kV hiện trạng: Bố trí hành lang an toàn lưới điện dọc tuyến đường dây đảm bảo quy định. Dài hạn sẽ cải tạo, nâng cấp để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- + Đường dây 22kV: Xây dựng mới tuyến 22kV, đi ngầm dọc theo các trục đường, nối đến các trạm biến áp.

- + Đường dây 0,4kV: Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm 0,4kV nối từ trạm biến áp đi dọc theo các tuyến đường nội bộ, cấp điện cho các công trình và hộ gia đình.

- Lưới điện chiếu sáng đường phố: Xây dựng mới các tuyến cáp ngầm theo các trục đường; sử dụng cáp ngầm, bóng đèn LED gắn trên trụ thép mạ kẽm.

d) Cấp nước

- Nguồn nước: Từ hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi, qua đường ống hiện trạng D225 dọc đường Trường Sa. Giai đoạn dài hạn đầu nối bổ sung với đường ống D300 dọc đường Hoàng Sa.

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt khoảng 7.800 m³/ngày.đêm.

- Mạng lưới đường ống: Quy hoạch các tuyến ống chính Ø100-Ø200, các tuyến ống nhánh Ø50 đặt trên vỉa hè các tuyến đường cung cấp tới hộ gia đình và các công trình.

- Bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa trên các tuyến ống $\geq \text{Ø}100$, khoảng cách giữa các trụ từ 100m-150m.

- Bố trí 02 bể chứa nước dự phòng cho phòng cháy chữa cháy tại vị trí phía Đông đường D16, khối tích mỗi bể chứa cháy 500 m³.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn

đ1) Thoát nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Toàn bộ nước thải của khu vực được thu gom và đưa về trạm xử lý nước thải ở phía Tây có công suất 4.100 m³/ng.đ.

- Quy hoạch các tuyến công thu gom nước thải đường kính từ Ø300 - Ø400, đi dọc theo các trục đường, thu gom nước thải từ các khu chức năng, dẫn về trạm xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình, khu dân cư phải được xử lý

bằng bể tự hoại hợp vệ sinh trước khi xả vào hệ thống chung.

đ2) Chất thải rắn

- Chất thải rắn phát sinh trong khu dân cư phải được phân loại, thu gom, tập kết về các điểm trung chuyển trước khi vận chuyển đến khu xử lý chung của đô thị.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý; các cơ quan và hộ gia đình phải tự giác tập hợp chất thải rắn của mình vào đúng các vị trí qui định.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

e) Định hướng thông tin liên lạc, hào kỹ thuật

e1) Mạng ngoại vi

- Gồm các hệ thống hào, bể cáp và hầm cáp bố trí dọc theo các vỉa hè đường. Các tuyến thông tin liên lạc được hạ ngầm, bố trí trong mương dẫn cáp.

- Các tuyến cáp được đặt trong ống nhựa bảo vệ PVC Ø100x0,5; tại những đoạn qua đường sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm. Các tủ, hộp cáp được bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

e2) Mạng di động

- Các trạm thu phát sóng thông tin di động lắp đặt trong khu vực (nếu có) đảm bảo cảnh quan kiến trúc, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, không gây ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe cộng đồng.

e3) Hào kỹ thuật

- Bố trí hào kỹ thuật ở các tuyến đường chính, đường khu vực để đi chung hệ thống đường ống hạ tầng thông tin, cáp điện... đảm bảo khai thác hiệu quả, mỹ quan đô thị.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước và môi trường đất, không khí trong khu vực quy hoạch chi tiết, đặc biệt tại các vị trí dự kiến xả thải, các điểm tập trung CTR;

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho khu vực quy hoạch;

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, có giải pháp ứng phó phù hợp với tác động;

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước, phát triển hệ sinh thái, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong khu vực;

- Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư.

b) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục đường giao thông chính, xung quanh đảo;

- Tăng cường mật độ cây xanh; tổ chức hợp lý không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Thường xuyên quét dọn và phun nước chống bụi các trục đường giao thông trong khu vực quy hoạch.

c) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; sử dụng công nghệ xử lý nước thải phù hợp với tính chất của khu quy hoạch;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực ven sông.

d) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Khu xử lý nước thải, trung chuyển rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi.

đ) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu vực quy hoạch;

- Giám sát hiệu quả các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp không chế hữu hiệu.

e) Quan trắc, giám sát môi trường

Thực hiện việc quan trắc, giám sát môi trường định kỳ đối với khu vực quy hoạch theo quy định, tập trung vào các vị trí có nguy cơ gây ô nhiễm như: các nút - tuyến giao thông chính, khu vực xử lý rác thải, xả thải, trung chuyển CTR.

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc), thành phố Quảng Ngãi, gồm: 06 Chương, 23 Điều kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, UBND thành phố Quảng Ngãi theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Quảng Ngãi tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Quảng Ngãi và các sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND Phường Trương Quang Trọng, Chủ tịch UBND xã Tịnh An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 151).



Đặng Văn Minh